

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ TỔNG HỢP
DẦU KHÍ**

(Thành lập tại nước Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam)

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG
ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT**

**Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2013
đến ngày 30 tháng 6 năm 2013**



MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1 - 2
BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG	3
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	4 - 5
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	6
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	7
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	8 - 32



BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Dầu khí (gọi tắt là "Tổng Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính riêng của Tổng Công ty cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2013 đến ngày 30 tháng 6 năm 2013.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đã điều hành Tổng Công ty trong kỳ và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Vũ Xuân Lũng	Chủ tịch
Ông Phùng Tuấn Hà	Ủy viên
Ông Nguyễn Sĩ Đàm	Ủy viên (Miễn nhiệm ngày 05 tháng 4 năm 2013)
Ông Lê Thuận Khương	Ủy viên (Miễn nhiệm ngày 05 tháng 4 năm 2013)
Ông Phạm Quang Huy	Ủy viên
Ông Trần Minh Hoàng	Ủy viên (Bỏ nhiệm ngày 05 tháng 4 năm 2013)
Bà Lê Thị Chiến	Ủy viên (Bỏ nhiệm ngày 05 tháng 4 năm 2013)

Ban Tổng Giám đốc

Ông Phùng Tuấn Hà	Tổng Giám đốc
Ông Hồ Sĩ Long	Phó Tổng Giám đốc (Miễn nhiệm ngày 01 tháng 3 năm 2013)
Ông Vũ Tiến Dương	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Xuân Hùng	Phó Tổng Giám đốc
Ông Bùi Anh Dũng	Phó Tổng Giám đốc
Bà Phạm Thị Hồng Điệp	Phó Tổng Giám đốc

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính riêng cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2013 đến ngày 30 tháng 6 năm 2013 phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Tổng Công ty trong kỳ, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong việc lập báo cáo tài chính riêng này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính riêng hay không;
- Lập báo cáo tài chính riêng trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Tổng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính riêng hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính riêng của Tổng Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Tổng Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Tổng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính riêng.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



Phùng Tuấn Hà
Tổng Giám đốc

Ngày 12 tháng 8 năm 2013

Số: 266 /VNIA-HN-BC

BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Kính gửi: Các Cổ đông
Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Dầu khí

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét bằng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 6 năm 2013 cùng với báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2013 đến ngày 30 tháng 6 năm 2013 và thuyết minh báo cáo tài chính kèm theo (gọi chung là “báo cáo tài chính riêng”) của Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Dầu khí (gọi tắt là “Tổng Công ty”) được lập ngày 12 tháng 8 năm 2013, từ trang 04 đến trang 32. Việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng này thuộc trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra Báo cáo kết quả công tác soát xét về báo cáo tài chính riêng này trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi.

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét báo cáo tài chính riêng theo Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam số 910 - Công tác soát xét báo cáo tài chính. Chuẩn mực này yêu cầu công tác soát xét phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo vừa phải rằng báo cáo tài chính riêng không chứa đựng những sai sót trọng yếu. Công tác soát xét bao gồm chủ yếu là việc trao đổi với nhân sự của Tổng Công ty và áp dụng các thủ tục phân tích trên những thông tin tài chính; công tác này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên cũng không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có sự kiện nào để chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính riêng kèm theo không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Tổng Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2013 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2013 đến ngày 30 tháng 6 năm 2013 phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



Phạm Hoài Nam
Phó Tổng Giám đốc
Chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số 0042-2013-001-1

Thay mặt và đại diện cho
CÔNG TY TNHH DELOITTE VIỆT NAM

Ngày 12 tháng 8 năm 2013
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Trần Huy Công
Kiểm toán viên
Chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số 0891-2013-001-1

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ TỔNG HỢP DẦU KHÍ

Lầu 6, tòa nhà PetroVietnam, số 1 - 5 Lê Duẩn, phường Bến Nghé, quận 1
 Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng

Cho kỳ hoạt động từ ngày
 01 tháng 01 năm 2013 đến ngày 30 tháng 6 năm 2013

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2013

Mẫu số B 01-DN

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/6/2013	31/12/2012
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+120+130+140+150)	100		973.098.338.479	864.598.820.015
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	482.181.524.326	368.738.035.739
1. Tiền	111		37.241.168.874	83.741.901.742
2. Các khoản tương đương tiền	112		444.940.355.452	284.996.133.997
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		18.376.791.095	18.376.791.095
1. Đầu tư ngắn hạn	121	6	49.900.000.000	49.900.000.000
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129	7	(31.523.208.905)	(31.523.208.905)
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		371.621.232.643	422.218.952.305
1. Phải thu khách hàng	131		61.614.474.106	95.226.748.657
2. Trả trước cho người bán	132		6.260.900.124	9.624.244.947
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133	8	289.215.025.030	315.130.198.652
4. Các khoản phải thu khác	135		16.145.233.383	3.852.160.049
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(1.614.400.000)	(1.614.400.000)
IV. Hàng tồn kho	140		51.572.975.284	23.731.891.654
1. Hàng tồn kho	141	9	51.572.975.284	23.731.891.654
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		49.345.815.131	31.533.149.222
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		52.321.500	134.675.808
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		49.032.031.919	30.504.746.560
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		71.200.711	71.200.711
4. Tài sản ngắn hạn khác	158		190.261.001	822.526.143
B. TÀI SẢN DÀI HẠN (200=220+250+260)	200		735.081.627.766	754.904.811.568
I. Tài sản cố định	220		131.694.215.812	134.187.987.139
1. Tài sản cố định hữu hình	221	10	30.607.287.182	33.318.917.931
- Nguyên giá	222		70.544.253.568	72.503.177.860
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(39.936.966.386)	(39.184.259.929)
2. Tài sản cố định vô hình	227	11	100.119.267.051	100.146.498.537
- Nguyên giá	228		100.680.022.269	100.680.022.269
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(560.755.218)	(533.523.732)
3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230		967.661.579	722.570.671
II. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		436.059.420.573	449.221.703.305
1. Đầu tư vào công ty con	251	12	403.199.463.324	416.361.746.056
2. Đầu tư vào công ty liên kết	252	13	30.859.957.249	30.859.957.249
3. Đầu tư dài hạn khác	258		2.000.000.000	2.000.000.000
III. Tài sản dài hạn khác	260		167.327.991.381	171.495.121.124
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	14	166.307.991.381	170.475.121.124
2. Tài sản dài hạn khác	268		1.020.000.000	1.020.000.000
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		1.708.179.966.245	1.619.503.631.583

Các thuyết minh từ trang 08 đến trang 32 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2013

Mẫu số B 01-DN
 Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/6/2013	31/12/2012
A. NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330)	300		556.264.392.038	406.499.936.368
I. Nợ ngắn hạn	310		546.870.047.280	396.804.591.610
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	15	265.304.055.376	117.989.145.264
2. Phải trả người bán	312		109.539.909.694	157.224.485.245
3. Người mua trả tiền trước	313		2.217.628.840	1.443.245.412
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	16	8.450.383.415	2.688.931.575
5. Phải trả người lao động	315		7.538.319.572	14.222.098.137
6. Chi phí phải trả	316		6.169.534.585	1.858.888.554
7. Phải trả nội bộ	317		33.561.865.360	40.123.054.473
8. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319		62.453.077.632	3.458.101.216
9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		51.635.272.806	57.796.641.734
II. Nợ dài hạn	330		9.394.344.758	9.695.344.758
1. Phải trả dài hạn khác	333		9.394.344.758	9.695.344.758
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU (400=410)	400		1.151.915.574.207	1.213.003.695.215
I. Vốn chủ sở hữu	410	17	1.151.915.574.207	1.213.003.695.215
1. Vốn điều lệ	411		698.420.000.000	698.420.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		133.918.052.614	128.358.940.301
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	42.911.651.986
4. Cổ phiếu quỹ	414		-	(9.150.605.990)
5. Quỹ đầu tư phát triển	417		84.695.402.338	84.695.402.338
6. Quỹ dự phòng tài chính	418		42.911.651.986	-
7. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		191.970.467.269	267.768.306.580
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	440		1.708.179.966.245	1.619.503.631.583

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1. Ngoại tệ các loại
 USD

30/6/2013

31/12/2012

349.626,28

874.274,43

Cao Thanh Hùng
 Người lập biểu

Đào Văn Đại
 Kế toán trưởng

Phùng Tuấn Hà
 Tổng Giám đốc

Ngày 12 tháng 8 năm 2013

Các thuyết minh từ trang 08 đến trang 32 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ TỔNG HỢP DẦU KHÍLầu 6, tòa nhà PetroVietnam, số 1 - 5 Lê Duẩn, phường Bến Nghé, quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính riêng**Cho kỳ hoạt động từ ngày
01 tháng 01 năm 2013 đến ngày 30 tháng 6 năm 2013**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2013 đến ngày 30 tháng 6 năm 2013

MẪU SỐ B 02-DN

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/6/2013	Từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/6/2012
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	18	865.139.490.271	882.725.277.097
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		90.909.091	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10		865.048.581.180	882.725.277.097
4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	19	810.618.268.917	822.082.181.596
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		54.430.312.263	60.643.095.501
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	21	38.970.525.992	65.779.088.253
7. Chi phí tài chính	22	22	7.023.890.006	20.046.167.347
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		5.709.646.131	19.987.270.793
8. Chi phí bán hàng	24		22.358.866.212	20.040.897.122
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		20.776.713.692	27.339.431.914
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30=20+(21-22)-(24+25)}	30		43.241.368.345	58.995.687.371
11. Thu nhập khác	31		755.597.112	3.175.508.214
12. Chi phí khác	32		932.940.016	1.111.604.769
13. (Lỗ)/Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		(177.342.904)	2.063.903.445
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		43.064.025.441	61.059.590.816
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	23	8.749.441.680	8.443.806.282
16. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51)	60		34.314.583.761	52.615.784.534


Cao Thanh Hùng
Người lập biểu

Ngày 12 tháng 8 năm 2013


Đào Văn Đại
Kế toán trưởngPhùng Tuấn Hà
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh từ trang 08 đến trang 32 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2013 đến ngày 30 tháng 6 năm 2013

Mẫu số B 03-DN

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/6/2013	Từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/6/2012
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	43.064.025.441	61.059.590.816
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
Khấu hao tài sản cố định	02	2.192.274.484	2.446.839.397
Các khoản dự phòng	03	-	(2.455.860.000)
Chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	613.665.806	-
(Lãi) từ hoạt động đầu tư	05	(37.514.615.944)	(65.098.586.966)
Chi phí lãi vay	06	5.709.646.131	19.987.270.793
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	14.064.995.918	15.939.254.040
Thay đổi các khoản phải thu	09	50.303.036.532	(259.698.750.714)
Thay đổi hàng tồn kho	10	(27.841.083.630)	66.309.216.802
Thay đổi các khoản phải trả (không bao gồm lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	(36.637.097.121)	(164.037.097.948)
Thay đổi chi phí trả trước	12	4.167.129.743	4.366.679.512
Tiền lãi vay đã trả	13	(3.666.000.100)	(19.298.085.946)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(4.306.383.051)	(8.572.638.641)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16	(6.588.800.000)	(4.446.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(10.504.201.709)	(369.437.422.895)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi mua sắm và xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(284.280.058)	(4.838.950.630)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	-	478.000.000
3. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(17.200.000.000)	(3.005.441.000)
4. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	28.378.957.704	114.551.700.000
5. Thu lãi cho vay, lãi tiền gửi	27	20.332.372.180	22.913.954.834
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	31.227.049.826	130.099.263.204
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu (i)	31	14.709.718.303	-
2. Vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	419.446.209.717	594.120.390.759
3. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(272.131.299.605)	(177.650.208.857)
4. Tiền chi trả cổ tức	36	(69.303.987.945)	(79.346.997.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	92.720.640.470	337.123.184.902
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)	50	113.443.488.587	97.785.025.211
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	368.738.035.739	99.849.241.355
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá quy đổi ngoại tệ	61	-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)	70	482.181.524.326	197.634.266.566

(i) Như trình bày tại Thuyết minh số 17, Tổng Công ty đã bán toàn bộ cổ phiếu quỹ tương ứng với 788.880 cổ phần, số tiền thu được từ giao dịch này là 14.709.718.303 VND.

Cao Thanh Hùng
 Người lập biểu

Đào Văn Đại
 Kế toán trưởng

Phùng Tuấn Hà
 Tổng Giám đốc

Ngày 12 tháng 8 năm 2013

Các thuyết minh từ trang 08 đến trang 32 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Dầu khí (gọi tắt là "Tổng Công ty") được thành lập tại Việt Nam dưới hình thức công ty cổ phần theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103005338 ngày 29 tháng 9 năm 2006 và Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh điều chỉnh lần thứ 13 số 0300452060 ngày 27 tháng 11 năm 2012 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp. Tổng Công ty được chuyển đổi từ Công ty Dịch vụ Du lịch Dầu khí, một công ty Nhà nước thành viên của Tập đoàn Dầu khí Quốc gia Việt Nam (gọi tắt là "Petro Việt Nam").

Trụ sở chính của Tổng Công ty đặt tại Lầu 6, tòa nhà PetroVietnam, số 1 - 5 Lê Duẩn, phường Bến Nghé, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh.

Tổng số nhân viên của Tổng Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2013 là 109 (tại ngày 31 tháng 12 năm 2012: 105).

Hoạt động chính

Hoạt động chính của Tổng Công ty bao gồm: mua bán thiết bị viễn thông; đại lý du lịch; chế biến, mua bán nước sinh hoạt; sản xuất cồn thực phẩm, cồn công nghiệp, cồn nhiên liệu; kinh doanh chiết nạp khí hóa lỏng (không hoạt động tại trụ sở); cho thuê kho bãi, nhà xưởng, mặt bằng, văn phòng; kinh doanh nhà ở, văn phòng đại diện, kinh doanh bất động sản; mua bán thực phẩm, nhu yếu phẩm, hải sản; chế biến nông sản, lương thực (không sản xuất chế biến thực phẩm tươi sống tại trụ sở); mua bán máy móc, thiết bị ngành công nghiệp, vật tư, trang thiết bị văn phòng, thiết bị nghe nhìn, máy móc, thiết bị phục vụ vệ sinh công nghiệp; linh kiện sử dụng cho vỏ bình khí; bán buôn máy thiết bị điện, vật liệu điện, máy phát điện, động cơ điện, dây điện và thiết bị khác dùng trong mạch điện; dịch vụ vui chơi giải trí (trừ karaoke, tổ chức đánh bạc); xây dựng nhà các loại; kinh doanh xăng dầu; điều hành tour du lịch; hoạt động xuất khẩu lao động, cung ứng lao động; dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tour du lịch; sản xuất thức ăn gia súc (không hoạt động tại trụ sở); vệ sinh khu nhà và các công trình; quản lý bất động sản; cho thuê phương tiện vận tải; mua bán nông sản; mua bán lương thực; bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm; bán buôn phân đạm, hóa chất dùng trong công nghiệp (trừ thuốc bảo vệ thực vật, hóa chất độc hại mạnh); mua bán nhiên liệu sinh học, khí CO₂, NH₃ (không hoạt động tại trụ sở); bán buôn nhựa tổng hợp, chất dẻo dạng nguyên sinh, hóa chất công nghiệp, tơ, sợi dệt; mua bán phương tiện vận tải, xe chuyên dùng; đại lý mua bán hàng hóa; sản xuất vỏ bình khí (trừ gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện tại trụ sở); bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp; duy tu, sửa chữa, gia công cơ khí - điện - nước và chống ăn mòn kim loại (trừ gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện tại trụ sở); đào tạo nghề; sản xuất nhiên liệu sinh học, khí CO₂, NH₃ (không hoạt động tại trụ sở); đại lý bán vé máy bay, tàu hỏa; dịch vụ đại lý tàu biển; dịch vụ đại lý vận tải đường biển; đại lý làm thủ tục hải quan; đại lý vận tải hàng hóa, kể cả dịch vụ liên quan đến hậu cần; dịch vụ kiểm đếm, giao nhận hàng hóa xuất nhập khẩu; dịch vụ môi giới hàng hải; vận tải đa phương thức quốc tế; sản xuất bao bì từ plastic (trừ tái chế phế thải); kinh doanh khách sạn; chế biến hải sản (không sản xuất chế biến thực phẩm tươi sống, gây ô nhiễm môi trường tại trụ sở); vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương; vận tải hàng hóa bằng đường bộ; lắp đặt các công trình dầu khí (trừ gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện tại trụ sở); sửa chữa máy móc, thiết bị; bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh; bán lẻ radio, cassette, tivi, loa, thiết bị âm thanh nổi, máy nghe nhạc, đầu video, đầu đĩa CD, DVD.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG VÀ NĂM TÀI CHÍNH****Cơ sở lập báo cáo tài chính riêng**

Báo cáo tài chính riêng kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Năm tài chính

Năm tài chính của Tổng Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

Báo cáo tài chính này được lập cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2013 đến ngày 30 tháng 6 năm 2013.

3. ÁP DỤNG HƯỚNG DẪN KẾ TOÁN MỚI**Hướng dẫn mới về chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định**

Ngày 25 tháng 4 năm 2013, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 45/2013/TT-BTC ("Thông tư 45") hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định. Thông tư này thay thế Thông tư số 203/2009/TT-BTC ("Thông tư 203") ngày 20 tháng 10 năm 2009 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định. Thông tư 45 có hiệu lực thi hành kể từ ngày 10 tháng 6 năm 2013 và áp dụng cho năm tài chính 2013 trở đi. Ban Tổng Giám đốc đánh giá Thông tư 45 không có ảnh hưởng trọng yếu đến báo cáo tài chính của Tổng Công ty cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2013.

Hướng dẫn mới về trích lập dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn vào doanh nghiệp

Ngày 28 tháng 6 năm 2013, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 89/2013/TT-BTC ("Thông tư 89") sửa đổi, bổ sung Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tồn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hoá, công trình xây lắp tại doanh nghiệp. Thông tư 89 có hiệu lực thi hành kể từ ngày 26 tháng 7 năm 2013. Ban Tổng Giám đốc đang đánh giá mức độ ảnh hưởng của việc áp dụng Thông tư này đến báo cáo tài chính trong tương lai của Tổng Công ty.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Tổng Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính riêng tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ hoạt động. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Tổng Công ty bao gồm tiền, các khoản tương đương tiền, phải thu khách hàng, phải thu khác, đầu tư dài hạn và tài sản tài chính khác.

Công nợ tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó.

Công nợ tài chính của Tổng Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, các khoản vay và chi phí phải trả.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Dự phòng phải thu khó đòi

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phần phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Tổng Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Tổng Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Tỷ lệ khấu hao cụ thể như sau:

	Từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/6/2013 (%)
Nhà cửa, vật kiến trúc	4 - 20
Máy móc, thiết bị	14,2 - 20
Phương tiện vận tải	14,2 - 20
Dụng cụ quản lý	25 - 33

Thuê tài sản

Một khoản thuê được xem là thuê hoạt động khi bên cho thuê vẫn được hưởng phần lớn các quyền lợi và phải chịu rủi ro về quyền sở hữu tài sản.

Tổng Công ty là bên cho thuê

Doanh thu cho thuê hoạt động được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê. Chi phí trực tiếp ban đầu để tạo ra doanh thu từ nghiệp vụ cho thuê hoạt động được ghi nhận ngay vào chi phí trong kỳ khi phát sinh.

Tổng Công ty là bên đi thuê

Các khoản thanh toán tiền thuê hoạt động được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê tài sản. Các khoản tiền nhận được hoặc phải thu khi ký hợp đồng thuê hoạt động cũng được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê.

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế, thể hiện giá trị quyền sử dụng đất và phần mềm máy tính. Quyền sử dụng đất không thời hạn không phải trích khấu hao. Phần mềm máy tính được trích khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính là tám (08) năm.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Tổng Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Các khoản trả trước dài hạn

Chi phí trả trước dài hạn bao gồm khoản trả trước tiền thuê văn phòng và các khoản chi phí trả trước dài hạn khác.

Khoản trả trước tiền thuê văn phòng thể hiện số tiền trả trước cho Tập đoàn Dầu khí Việt Nam để thuê 2.619,37 m² sàn tại Tòa nhà PetroVietnam, số 1 - 5 Lê Duẩn, phường Bến Nghé, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh. Tiền thuê văn phòng trả trước được phân bổ vào chi phí hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong vòng 50 năm kể từ ngày 01 tháng 10 năm 2010.

Khoản chi phí trả trước dài hạn khác là khoản trả trước tiền thuê kho Hồ Nai - Đồng Nai được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Tổng Công ty với thời hạn từ một năm trở lên. Chi phí này được vốn hóa dưới hình thức khoản trả trước dài hạn và được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng tương ứng với thời hạn thuê kho.

Các khoản đầu tư tài chính dài hạn

Các khoản đầu tư tài chính dài hạn bao gồm đầu tư vào công ty con, công ty liên kết và đầu tư dài hạn khác. Khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết và đầu tư dài hạn khác được phân ánh theo phương pháp giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá đầu tư (nếu có).

Đầu tư vào công ty con

Các khoản đầu tư vào các công ty con là các khoản đầu tư vào các đơn vị do Tổng Công ty kiểm soát. Sự kiểm soát tồn tại khi Tổng Công ty có khả năng chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của một đơn vị để thu được các lợi ích từ hoạt động này.

Đầu tư vào các công ty liên kết

Công ty liên kết là một công ty mà Tổng Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Tổng Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn

Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính được lập khi Ban Tổng Giám đốc cho rằng việc giảm giá này không mang tính tạm thời. Dự phòng sẽ được hoàn nhập khi việc tăng lên sau đó của giá trị có thể thu hồi là do sự kiện khách quan xảy ra sau khi khoản dự phòng được lập. Dự phòng chỉ được hoàn nhập đến mức tối đa bằng giá trị ghi sổ của khoản đầu tư chưa lập dự phòng.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Tổng Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Tổng Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Tổng Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Ghi nhận doanh thu (Tiếp theo)

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của bảng cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Tổng Công ty có quyền nhận khoản lãi.

Ngoại tệ

Tổng Công ty áp dụng xử lý chênh lệch tỷ giá theo hướng dẫn của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 (VAS 10) “Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái” và Thông tư số 179/2012/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2012 của Bộ Tài chính quy định về ghi nhận, đánh giá, xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái trong doanh nghiệp. Theo đó, các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc niên độ kế toán không được dùng để chia cho cổ đông.

Chi phí đi vay

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Các khoản dự phòng

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Tổng Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra và Tổng Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Tổng Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các kỳ khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Thuế (Tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Tổng Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Tổng Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuận.

Việc xác định thuế thu nhập của Tổng Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Các quỹ

Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 11/NQ-DVTHDK-ĐHĐCĐ ngày 05 tháng 4 năm 2013, Tổng Công ty sẽ trích lập các quỹ từ lợi nhuận sau thuế năm 2013 với tỷ lệ như sau:

Quỹ khen thưởng, phúc lợi	6% lợi nhuận sau thuế
Quỹ đầu tư phát triển	10% lợi nhuận sau thuế
Quỹ dự phòng tài chính	5% lợi nhuận sau thuế

5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	<u>30/6/2013</u>	<u>31/12/2012</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Tiền mặt	630.076.085	694.921.339
Tiền gửi ngân hàng	36.611.092.789	83.046.980.403
Các khoản tương đương tiền (i)	444.940.355.452	284.996.133.997
	<u>482.181.524.326</u>	<u>368.738.035.739</u>

(i) Các khoản tương đương tiền phản ánh các khoản tiền gửi có kỳ hạn nhỏ hơn hoặc bằng 3 tháng tại các ngân hàng.

Như trình bày tại Thuyết minh số 15, Công ty đã sử dụng một phần số dư tiền gửi ngân hàng tại ngày 30 tháng 6 năm 2013 để đảm bảo cho các khoản tiền vay ngắn hạn tại Ngân hàng Thương mại Việt Nam Thịnh Vượng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

6. ĐẦU TƯ NGẮN HẠN

	<u>30/6/2013</u>	<u>31/12/2012</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Công ty TNHH MTV Dịch vụ Thương mại Dầu khí (i)	39.500.000.000	39.500.000.000
Công ty TNHH MTV Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn Dầu khí (i)	10.400.000.000	10.400.000.000
	<u>49.900.000.000</u>	<u>49.900.000.000</u>

(i) Theo Quyết định số 313/QĐ-DVTHDK-HĐQT và số 314/QĐ-DVTHDK-HĐQT ngày 26 tháng 12 năm 2011, Hội đồng Quản trị Tổng Công ty quyết định sẽ giải thể Công ty TNHH Một thành viên Dịch vụ Thương mại Dầu khí ("Petrosetco Thương mại") và Công ty TNHH Một thành viên Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn Dầu khí ("Petrosetco Sài Gòn") kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2012. Hiện tại, Petrosetco Thương mại và Petrosetco Sài Gòn đang làm các thủ tục quyết toán thuế để chính thức giải thể trong năm 2013. Theo đó, giá trị khoản đầu tư vào Petrosetco Thương mại và Petrosetco Sài Gòn sẽ được trình bày tại khoản mục "Đầu tư ngắn hạn" - mã số 121 thay vì khoản mục "Đầu tư vào công ty con" - mã số 251 trên bảng cân đối kế toán.

7. DỰ PHÒNG GIẢM GIÁ ĐẦU TƯ NGẮN HẠN

	<u>30/6/2013</u>	<u>31/12/2012</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Công ty TNHH MTV Dịch vụ Thương mại Dầu khí	29.882.192.415	29.882.192.415
Công ty TNHH MTV Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn Dầu khí	1.641.016.490	1.641.016.490
	<u>31.523.208.905</u>	<u>31.523.208.905</u>

8. PHẢI THU NỘI BỘ NGẮN HẠN

Thể hiện khoản phải thu các công ty con của Tổng Công ty, chi tiết xem Thuyết minh số 27.

9. HÀNG TỒN KHO

	<u>30/6/2013</u>	<u>31/12/2012</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Công cụ dụng cụ	16.107.493	-
Hàng mua đang đi đường	2.915.589.600	10.975.647.848
Hàng hóa	43.555.563.905	12.756.243.806
Hàng gửi đi bán	5.085.714.286	-
	<u>51.572.975.284</u>	<u>23.731.891.654</u>

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ TỔNG HỢP DẦU KHÍ

Lầu 6, tòa nhà PetroVietnam, số 1 - 5 Lê Duẩn, phường Bến Nghé, quận 1
 Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng

Cho kỳ hoạt động từ ngày
 01 tháng 01 năm 2013 đến ngày 30 tháng 6 năm 2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

10. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện, vận tải	Dụng cụ, quản lý	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ					
Tại ngày 01/01/2013	57.616.939.197	2.129.746.373	8.027.265.991	4.729.226.299	72.503.177.860
Mua trong kỳ	-	-	-	37.051.818	37.051.818
Giảm do điều chỉnh quyết toán XDCB hoàn thành	(250.037.886)	-	-	-	(250.037.886)
Giảm khác (i)	(115.299.378)	(164.648.185)	(22.317.000)	(1.443.673.661)	(1.745.938.224)
Tại ngày 30/6/2013	57.251.601.933	1.965.098.188	8.004.948.991	3.322.604.456	70.544.253.568
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
Tại ngày 01/01/2013	29.846.849.756	2.095.224.498	3.359.869.266	3.882.316.409	39.184.259.929
Khấu hao trong kỳ	886.506.332	380.493.427	524.548.850	373.494.389	2.165.042.998
Giảm khác (i)	(97.070.354)	(156.781.228)	(19.713.350)	(1.138.771.609)	(1.412.336.541)
Tại ngày 30/6/2013	30.636.285.734	2.318.936.697	3.864.704.766	3.117.039.189	39.936.966.386
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại ngày 30/6/2013	26.615.316.199	(353.838.509)	4.140.244.225	205.565.267	30.607.287.182
Tại ngày 31/12/2012	27.770.089.441	34.521.875	4.667.396.725	846.909.890	33.318.917.931

(i) Xử lý giảm nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế của các tài sản có nguyên giá nhỏ hơn 30.000.000 VND theo hướng dẫn của Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 4 năm 2013 của Bộ Tài chính.

Nguyên giá các tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 30 tháng 6 năm 2013 là 13.334.848.616 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 là 11.038.793.118 VND).

11. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy tính	Tổng cộng
	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ			
Tại ngày 01/01/2013	100.112.600.381	567.421.888	100.680.022.269
Tăng trong kỳ	-	-	-
Tại ngày 30/6/2013	100.112.600.381	567.421.888	100.680.022.269
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ			
Tại ngày 01/01/2013	-	533.523.732	533.523.732
Khấu hao trong kỳ	-	27.231.486	27.231.486
Tại ngày 30/6/2013	-	560.755.218	560.755.218
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Tại ngày 30/6/2013	100.112.600.381	6.666.670	100.119.267.051
Tại ngày 31/12/2012	100.112.600.381	33.898.156	100.146.498.537

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ TỔNG HỢP DẦU KHÍ

Lầu 6, tòa nhà PetroVietnam, số 1 - 5 Lê Duẩn, phường Bến Nghé, quận 1
 Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng

Cho kỳ hoạt động từ ngày

01 tháng 01 năm 2013 đến ngày 30 tháng 6 năm 2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

12. ĐẦU TƯ VÀO CÁC CÔNG TY CON

Thông tin chi tiết về các công ty con của Tổng Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2013 như sau:

Công ty con	Nơi thành lập, đăng ký hoạt động	Tỷ lệ sở hữu	Tỷ lệ quyền biểu quyết nắm giữ	Hoạt động chính
Công ty Cổ phần Dịch vụ Phân phối Tổng hợp Dầu khí	Tp. HCM	79,87%	79,87%	Phân phối thiết bị điện tử viễn thông
Công ty TNHH MTV Thương mại và Dịch vụ Dầu khí Biển	Tp. HCM	100%	100%	Thương mại, dịch vụ
Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Dầu khí Vũng Tàu	Vũng Tàu	70%	70%	Cung cấp dịch vụ
Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Dầu khí Miền Trung	Quảng Ngãi	89%	89%	Thương mại và dịch vụ
Công ty Cổ phần Quản lý và Khai thác Tài sản Dầu khí	Hà Nội	88,2%	88,2%	Quản lý, khai thác, vận hành tòa nhà
Công ty TNHH Petrosetco - SSG	Tp. HCM	51%	51%	Kinh doanh bất động sản
Công ty Cổ phần Hội tụ Thông minh (i)	Tp. HCM	50%	50%	Thiết bị, linh kiện điện tử, thiết bị ngoại vi, phần mềm
Công ty Cổ phần Dịch vụ Bán lẻ Dầu khí	Tp. HCM	58,19%	60%	Bán lẻ điện thoại

- (i) Tổng Công ty cam kết góp đủ phần vốn tương đương với 50% vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Hội tụ Thông minh. Tổng Công ty sở hữu 50% vốn góp của Công ty Cổ phần Hội tụ Thông minh, tuy nhiên, Tổng Công ty có quyền bỏ đa số phiếu tại các cuộc họp của Hội đồng Quản trị của công ty này (3/5 thành viên Hội đồng Quản trị của công ty này là người đại diện của Tổng Công ty). Theo đó, Công ty Cổ phần Hội tụ Thông minh vẫn thuộc sự kiểm soát của Tổng Công ty.

Chi tiết các khoản đầu tư vào công ty con như sau:

	30/6/2013 VND	31/12/2012 VND
Công ty Cổ phần Dịch vụ Phân phối Tổng hợp Dầu khí	113.600.000.000	113.600.000.000
Công ty TNHH MTV Thương mại và Dịch vụ Dầu khí Biển	31.681.662.678	31.681.662.678
Công ty TNHH MTV Dịch vụ Thương mại Dầu khí Hà Nội (i)	-	30.362.282.732
Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Dầu khí Vũng Tàu	64.341.999.232	64.341.999.232
Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Dầu khí Miền Trung	95.230.000.000	95.230.000.000
Công ty Cổ phần Quản lý và Khai thác Tài sản Dầu khí	66.160.637.417	66.160.637.417
Công ty TNHH Petrosetco - SSG	9.985.163.997	9.985.163.997
Công ty Cổ phần Hội tụ Thông minh (ii)	14.550.000.000	5.000.000.000
Công ty Cổ phần Dịch vụ Bán lẻ Dầu khí (iii)	7.650.000.000	-
	403.199.463.324	416.361.746.056

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

12. ĐẦU TƯ VÀO CÁC CÔNG TY CON (Tiếp theo)

- (i) Tổng Công ty đã chuyển nhượng toàn bộ phần vốn góp (tỷ lệ góp vốn 100%) tại Công ty TNHH MTV Dịch vụ Thương mại Dầu khí Hà Nội cho Tổng Công ty Dầu Việt Nam (PV-Oil). Việc chuyển nhượng đã hoàn thành trong Quý II/2013.
- (ii) Trong kỳ, Tổng Công ty đã thực hiện góp bổ sung vốn đầu tư tại Công ty Cổ phần Hội tụ Thông minh theo Nghị quyết số 13/NQ-DVTHDK ngày 23 tháng 4 năm 2013 của Hội đồng Quản trị Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Dầu khí, tỷ lệ góp vốn tương đương 50% vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Hội tụ Thông minh.
- (iii) Phần vốn góp của Tổng Công ty tại Công ty Cổ phần Dịch vụ Bán lẻ Dầu khí tương đương 51% vốn điều lệ theo Nghị quyết liên tịch số 07/NQ-DVTHDK ngày 13 tháng 3 năm 2013 của Hội đồng Quản trị Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Dầu khí về việc thành lập Công ty Cổ phần Dịch vụ Bán lẻ Dầu khí.

13. ĐẦU TƯ VÀO CÁC CÔNG TY LIÊN KẾT

	<u>30/6/2013</u>	<u>31/12/2012</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Công ty Cổ phần Quản lý và Phát triển Nhà Dầu khí	16.500.000.000	16.500.000.000
Công ty TNHH Kinh doanh Văn phòng Dầu khí	14.359.957.249	14.359.957.249
	<u>30.859.957.249</u>	<u>30.859.957.249</u>

Thông tin chi tiết về các công ty liên kết của Tổng Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2013 như sau:

Tên công ty liên kết	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ phần sở hữu %	Tỷ lệ quyền biểu quyết nắm giữ %	Hoạt động chính
Công ty Cổ phần Quản lý và Phát triển Nhà Dầu khí	Quảng Ngãi	30	30	Quản lý và khai thác nhà ở
Công ty TNHH Kinh doanh Văn phòng Dầu khí	Bà Rịa-Vũng Tàu	24	24	Dịch vụ cho thuê văn phòng

14. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	<u>30/6/2013</u>	<u>31/12/2012</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Chi phí thuê văn phòng (i)	164.175.119.991	168.314.405.579
Thuê kho Hồ Nai	2.132.871.390	2.160.715.545
	<u>166.307.991.381</u>	<u>170.475.121.124</u>

- (i) Phản ánh khoản trả trước cho Tập đoàn Dầu khí Việt Nam để thuê 2.619,37 m² sàn tại Tòa nhà PetroVietnam, số 1 - 5 Lê Duẩn, phường Bến Nghé, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh. Tiền thuê văn phòng trả trước được phân bổ vào chi phí hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong vòng 50 năm kể từ ngày 01 tháng 10 năm 2010.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

15. VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN

	<u>30/6/2013</u>	<u>31/12/2012</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Vay ngắn hạn		
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh thành phố Hồ Chí Minh (USD) (i)	6.400.836.000	107.989.145.264
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh thành phố Hồ Chí Minh (VND)	-	10.000.000.000
Ngân hàng TNHH Indovina (ii)	97.343.737.536	-
Ngân hàng TNHH Một thành viên ANZ Việt Nam - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh (iii)	43.202.356.620	-
Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh (iv)	118.357.125.220	-
	<u>265.304.055.376</u>	<u>117.989.145.264</u>

- (i) Thể hiện khoản vay từ Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh dưới hình thức hợp đồng tín dụng hạn mức. Khoản tín dụng này có thể rút bằng Đồng Việt Nam (VND) và Đô la Mỹ (USD) với số tiền tối đa là 300.000.000.000 VND và đáo hạn vào ngày 31 tháng 5 năm 2014. Khoản vay này không có tài sản đảm bảo và chịu lãi suất theo quy định tại mỗi lần rút vốn hoặc theo thỏa thuận. Lãi suất cho mỗi lần rút vốn đối với khoản vay có thời hạn ngắn hơn hoặc bằng 3 tháng sẽ được trả vào ngày cuối cùng của mỗi kỳ trả lãi. Lãi suất cho mỗi lần rút vốn đối với khoản vay có thời hạn trên 3 tháng sẽ được trả ba tháng một lần vào ngày cuối cùng của kỳ trả lãi 3 tháng.
- (ii) Thể hiện các khoản vay từ Ngân hàng TNHH Indovina dưới hình thức hợp đồng tín dụng ngắn hạn. Các khoản vay này không có tài sản đảm bảo và chịu lãi suất dao động từ 4% - 5%/năm và đáo hạn trong tháng 09 năm 2013. Lãi suất cho mỗi lần rút vốn đối với khoản vay có thời hạn ngắn hơn hoặc bằng 3 tháng sẽ được trả vào ngày cuối cùng của mỗi kỳ trả lãi. Lãi suất cho mỗi lần rút vốn đối với khoản vay có thời hạn trên 3 tháng sẽ được trả ba tháng một lần vào ngày cuối cùng của kỳ trả lãi 3 tháng.
- (iii) Thể hiện khoản vay từ Ngân hàng TNHH Một thành viên ANZ Việt Nam dưới hình thức hợp đồng tín dụng hạn mức. Khoản tín dụng này có thể rút bằng VND hoặc USD với số tiền tối đa là 23.000.000 USD và đáo hạn vào ngày 05 tháng 4 năm 2014. Khoản vay này không có đảm bảo và chịu lãi suất theo quy định/thỏa thuận tại mỗi lần rút vốn. Lãi suất cho mỗi lần rút vốn đối với khoản vay có thời hạn ngắn hơn hoặc bằng 3 tháng sẽ được trả vào ngày cuối cùng của mỗi kỳ trả lãi. Lãi suất cho mỗi lần rút vốn đối với khoản vay có thời hạn trên 3 tháng sẽ được trả ba tháng một lần vào ngày cuối cùng của kỳ trả lãi 3 tháng.
- (iv) Thể hiện khoản vay từ Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng dưới hình thức hợp đồng tín dụng có hạn mức. Khoản tín dụng này có thể rút bằng VND với số tiền tối đa là 200.000.000.000 VND và đáo hạn vào ngày 24 tháng 01 năm 2014. Khoản vay được đảm bảo bằng hợp đồng tiền gửi trị giá 133.875.158.836 VND và chịu lãi suất theo quy định tại mỗi lần rút vốn hoặc theo thỏa thuận. Lãi suất cho mỗi lần rút vốn đối với khoản vay có thời hạn ngắn hơn hoặc bằng 3 tháng sẽ được trả vào ngày cuối cùng của mỗi kỳ trả lãi. Lãi suất cho mỗi lần rút vốn đối với khoản vay có thời hạn trên 3 tháng sẽ được trả ba tháng một lần vào ngày cuối cùng của kỳ trả lãi 3 tháng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

16. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	30/6/2013	31/12/2012
	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng phải nộp	1.788.738.106	346.501.102
Thuế thu nhập doanh nghiệp	6.417.049.533	1.973.990.904
Thuế thu nhập cá nhân	244.595.776	368.439.569
	8.450.383.415	2.688.931.575

Chi tiết tình hình thực hiện nghĩa vụ với Nhà nước theo từng loại thuế như sau:

Chỉ tiêu	Tại ngày 31/12/2012	Số phải nộp	Số đã nộp	Tại ngày 30/6/2013
	VND	VND	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng phải nộp	346.501.102	74.364.464.172	72.922.227.168	1.788.738.106
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.973.990.904	8.749.441.680	4.306.383.051	6.417.049.533
Thuế thu nhập cá nhân	368.439.569	3.515.014.592	3.638.858.385	244.595.776
Thuế, phí và lệ phí phải nộp khác	-	103.209.653	103.209.653	-
	2.688.931.575	86.732.130.097	80.970.678.257	8.450.383.415

17. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Tổng Công ty chỉ phát hành một loại cổ phần phổ thông không được hưởng cổ tức cố định với mệnh giá là 10.000 VND/cổ phần. Cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông được nhận cổ tức khi được công bố và có quyền biểu quyết theo tỷ lệ một quyền biểu quyết cho mỗi cổ phần sở hữu tại các cuộc họp cổ đông của Tổng Công ty.

	30/6/2013	31/12/2012
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	69.842.000	69.842.000
+ Cổ phiếu phổ thông	69.842.000	69.842.000
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
- Số lượng cổ phiếu quỹ	-	788.880
+ Cổ phiếu phổ thông	-	788.880
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	69.842.000	69.053.120
+ Cổ phiếu phổ thông	69.842.000	69.053.120
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0300452060 điều chỉnh lần 13 ngày 27 tháng 11 năm 2012, vốn điều lệ của Tổng Công ty là 699 tỷ VND. Tại ngày 30 tháng 6 năm 2013, vốn điều lệ đã được cổ đông góp như sau:

	30/6/2013		31/12/2012	
	VND	%	VND	%
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	246.092.850.000	35,24	246.092.850.000	35,24
Các cổ đông khác	452.327.150.000	64,76	452.327.150.000	64,76
	698.420.000.000	100	698.420.000.000	100

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

MẪU SỐ B 09-DN

17. VỐN CHỦ SỞ HỮU (Tiếp theo)

	Vốn điều lệ		Thặng dư vốn cổ phần		Vốn khác của chủ sở hữu		Cổ phiếu quỹ		Chênh lệch tỷ giá hối đoái		Quỹ đầu tư phát triển		Quỹ dự phòng tài chính		Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		Tổng cộng
	VND		VND		VND		VND		VND		VND		VND		VND		VND
Số dư tại ngày 01/01/2012	698.420.000.000		128.358.940.301		33.678.648.352		(9.150.605.990)		22.812.736		65.617.423.945		-		253.983.801.940		1.170.931.021.284
Tăng trong kỳ	-		-		9.233.003.634		-		(22.812.736)		19.077.978.393		-		138.080.120.640		166.368.289.931
Lợi nhuận trong năm	-		-		-		-		-		-		-		184.871.278.217		184.871.278.217
Trích bổ sung quỹ 2011	-		-		-		-		-		611.971.127		-		(4.383.568.342)		(3.771.597.215)
Tạm trích quỹ 2012	-		-		9.233.003.634		-		-		18.466.007.266		-		(42.407.589.235)		(14.708.578.335)
Hoàn nhập chênh lệch tỷ giá của năm trước	-		-		-		-		(22.812.736)		-		-		-		(22.812.736)
Giảm trong kỳ	-		-		-		-		-		-		-		124.295.616.000		124.295.616.000
Chia cổ tức trong năm	-		-		-		-		-		-		-		124.295.616.000		124.295.616.000
Số dư tại ngày 31/12/2012	698.420.000.000		128.358.940.301		42.911.651.986		(9.150.605.990)		-		84.695.402.338		-		267.768.306.580		1.213.003.695.215
Tăng trong kỳ	-		5.559.112.313		(42.911.651.986)		9.150.605.990		-		-		42.911.651.986		34.687.152.689		49.396.870.992
Bán cổ phiếu quỹ (iii)	-		5.559.112.313		-		9.150.605.990		-		-		-		-		14.709.718.303
Lợi nhuận trong kỳ	-		-		-		-		-		-		-		34.314.583.761		34.314.583.761
Phân phối quỹ (i)	-		-		(42.911.651.986)		-		-		-		42.911.651.986		372.568.928		372.568.928
Giảm trong kỳ	-		-		-		-		-		-		-		110.484.992.000		110.484.992.000
Chia cổ tức trong kỳ (ii)	-		-		-		-		-		-		-		110.484.992.000		110.484.992.000
Số dư tại ngày 30/6/2013	698.420.000.000		133.918.052.614		-		-		-		84.695.402.338		42.911.651.986		191.970.467.269		1.151.915.574.207

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

17. VỐN CHỦ SỞ HỮU (Tiếp theo)

- (i) Theo Nghị quyết số 06/NQ-DVTHDK-ĐHĐCĐ ngày 10 tháng 4 năm 2012 của Đại hội đồng cổ đông, Tổng Công ty tạm phân phối Quỹ thưởng hoàn thành vượt kế hoạch lợi nhuận từ lợi nhuận năm 2012 với số tiền 3.628.973.971 VND.

Theo Nghị quyết số 11/NQ-DVTHDK-ĐHĐCĐ ngày 05 tháng 4 năm 2013 Đại hội đồng cổ đông, Tổng Công ty quyết định chuyển toàn bộ số dư Quỹ dự phòng tăng vốn điều lệ tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 sang quỹ dự phòng tài chính số tiền 42.911.651.986 VND, trích Quỹ thưởng hoàn thành vượt kế hoạch lợi nhuận từ lợi nhuận 2012 là 3.256.405.043 VND.

Tổng Công ty điều chỉnh giảm Quỹ thưởng hoàn thành vượt kế hoạch đã tạm trích và hạch toán vào Báo cáo tài chính năm 2012 so với số tiền được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt số tiền là 372.568.928 VND.

- (ii) Theo Nghị quyết số 11/NQ-DVTHDK-ĐHĐCĐ ngày 05 tháng 4 năm 2013, Đại hội đồng cổ đông Tổng Công ty quyết định mức chi trả cổ tức của năm 2012 bằng tiền mặt với tỷ lệ 16% trên vốn điều lệ, tương đương 110.484.992.000 VND. Trong kỳ, Tổng công ty đã chi trả cổ tức số tiền 69.303.987.945 VND, phần cổ tức chưa thanh toán tại ngày 30 tháng 6 năm 2013 được theo dõi trên tài khoản "Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác" số tiền 41.181.004.055 VND.

- (iii) Theo Nghị quyết số 09/NQ-DVTHDK ngày 01 tháng 4 năm 2013 của Hội đồng Quản trị về việc chấp thuận bán cổ phiếu quỹ, Tổng Công ty đã bán số lượng 788.880 cổ phần tương ứng giá trị cổ phiếu quỹ là 9.150.605.990 VND, chênh lệch giữa giá bán và giá gốc của cổ phiếu quỹ được ghi nhận vào thặng dư vốn cổ phần với số tiền là 5.559.112.313 VND.

18. BÁO CÁO BỘ PHẬN

Trong kỳ, Tổng Công ty chủ yếu kinh doanh bán buôn các sản phẩm hạt nhựa, xơ sợi... các loại hình kinh doanh khác chiếm tỷ trọng không đáng kể. Do đó, Công ty không trình bày báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh.

19. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/6/2013	Từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/6/2012
	VND	VND
Doanh thu bán hàng hóa	827.257.021.218	835.345.417.347
Doanh thu cung cấp dịch vụ	37.882.469.053	47.379.859.750
	865.139.490.271	882.725.277.097

20. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	Từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/6/2013	Từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/6/2012
	VND	VND
Giá vốn bán hàng hóa	801.661.145.247	812.692.893.881
Giá vốn cung cấp dịch vụ	8.957.123.670	9.389.287.715
	810.618.268.917	822.082.181.596

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

21. CHI PHÍ KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/6/2013	Từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/6/2012
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	585.836.413	311.652.649
Chi phí nhân công	10.078.405.146	13.789.658.636
Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.192.274.484	2.446.839.397
Chi phí hàng hóa, dịch vụ mua ngoài	26.150.323.375	34.878.432.604
Chi phí khác bằng tiền	13.428.364.156	5.343.033.465
	52.435.203.574	56.769.616.751

22. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/6/2013	Từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/6/2012
	VND	VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	23.476.980.326	37.303.816.323
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	1.122.308.365	211.054.581
Lợi nhuận chuyển từ Công ty con	5.922.086.340	8.511.048.708
Cổ tức, lợi nhuận được chia	8.449.150.961	19.753.168.641
	38.970.525.992	65.779.088.253

23. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/6/2013	Từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/6/2012
	VND	VND
Chi phí lãi vay	5.709.646.131	19.987.270.793
Lỗ chênh lệch tỷ giá thực hiện	580.020.109	58.896.554
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	613.665.806	-
Chi phí tài chính khác	120.557.960	-
	7.023.890.006	20.046.167.347

24. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

	Từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/6/2013	Từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/6/2012
	VND	VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	43.064.025.441	61.059.590.816
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế:		
<i>Các khoản điều chỉnh tăng</i>	<i>6.304.978.580</i>	<i>977.613.460</i>
- Các khoản chi phí không được khấu trừ	6.304.978.580	977.613.460
<i>Các khoản điều chỉnh giảm</i>	<i>14.371.237.301</i>	<i>28.261.979.149</i>
- Lợi nhuận chuyển về từ công ty con	5.922.086.340	8.511.048.708
- Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại	-	(2.238.200)
- Cổ tức, lợi nhuận được chia	8.449.150.961	19.753.168.641
Thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp	34.997.766.720	33.775.225.127
Trong đó:		
Thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp 25%	34.997.766.720	33.775.225.127
Chi phí thuế thu nhập hiện hành	8.749.441.680	8.443.806.282

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ TỔNG HỢP DẦU KHÍ

Lầu 6, tòa nhà PetroVietnam, số 1 - 5 Lê Duẩn, phường Bến Nghé, quận 1
 Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng

Cho kỳ hoạt động từ ngày
 01 tháng 01 năm 2013 đến ngày 30 tháng 6 năm 2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

24. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (Tiếp theo)

Số thuế thu nhập doanh nghiệp cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2013 đến ngày 30 tháng 6 năm 2013 là số liệu tạm tính. Tổng Công ty sẽ xác định số thuế thu nhập doanh nghiệp chính thức khi lập báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013.

25. CÁC KHOẢN CAM KẾT**Cam kết thuê hoạt động**

	Từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/6/2013	2012
	VND	VND
Chi phí thuê hoạt động tối thiểu đã ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ	9.746.260.387	20.746.567.413

Ngày 29 tháng 6 năm 2011, Tổng Công ty ký Phụ lục hợp đồng số 10020/2010/HD-DKVN thuê văn phòng làm việc và cho thuê với Tập đoàn Dầu khí Việt Nam tại tòa nhà Petro Vietnam số 1-5 Lê Duẩn, phường Bến Nghé, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh. Tổng diện tích thuê giảm xuống còn 2.619,37 m² (ban đầu là 4.844,36 m²), thời gian thuê là 50 năm kể từ ngày 01 tháng 10 năm 2010. Tổng số tiền Tổng Công ty phải trả cho Tập đoàn Dầu khí Việt Nam (chưa bao gồm thuế GTGT) là 185.727.354.531 VND.

Ngày 12 tháng 7 năm 2011, Tổng Công ty ký thêm Hợp đồng thuê văn phòng làm việc và cho thuê số 6211/2011/HD-DKVN với Tập đoàn Dầu khí Việt Nam, thuê thêm tầng 2 và một phần tầng 6 của tòa nhà Petro Vietnam số 1-5 Lê Duẩn, phường Bến Nghé, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh. Tổng diện tích thuê thêm là 2.224,99 m², giá thuê là 5.1174,77 USD/tháng (tương đương 1.065.868.110 VND/tháng).

Ngày 29 tháng 11 năm 2012, Tổng Công ty ký Phụ lục sửa đổi bổ sung cho Hợp đồng thuê văn phòng làm việc và cho thuê số 6211/2011/HĐ-DKVN với Tập đoàn Dầu khí Việt Nam. Tổng diện tích thuê là 2.224,99 m², số tiền thuê là 934.494.800 VND/tháng, phụ lục hợp đồng có hiệu lực từ ngày 01 tháng 10 năm 2012.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Công ty có các khoản cam kết thuê hoạt động không hủy ngang với lịch thanh toán như sau:

	30/6/2013	31/12/2012
	VND	VND
Trong vòng một năm	17.064.848.390	19.492.520.775
Từ năm thứ hai đến năm thứ năm	58.548.704.018	58.548.704.018
Sau năm năm	615.255.929.385	622.574.517.388
	690.869.481.793	700.615.742.181

Cam kết bảo lãnh tín dụng

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2013, Tổng Công ty có cam kết bảo lãnh không hủy ngang đối với các khoản vay tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh thành phố Hồ Chí Minh, Ngân hàng TNHH MTV HSBC Việt Nam, Ngân hàng TNHH Indovina, Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng, Tổng Công ty Tài chính Cổ phần Dầu khí Việt Nam (gọi tắt là "Bên cho vay") của các đơn vị thành viên của Tổng Công ty Dịch vụ Tổng hợp Dầu khí (gọi tắt là "Bên được bảo lãnh"). Theo đó, Tổng Công ty có trách nhiệm hoàn trả số gốc vay, lãi vay, chi phí bảo lãnh và các chi phí khác cho Bên cho vay trong trường hợp Bên được bảo lãnh không thanh toán hoặc thanh toán chậm trễ.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ TỔNG HỢP DẦU KHÍ

Lầu 6, tòa nhà PetroVietnam, số 1 - 5 Lê Duẩn, phường Bến Nghé, quận 1
 Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng

Cho kỳ hoạt động từ ngày
 01 tháng 01 năm 2013 đến ngày 30 tháng 6 năm 2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

25. CÁC KHOẢN CAM KẾT (Tiếp theo)**Cam kết bảo lãnh tín dụng (Tiếp theo)**

Hạn mức tín dụng thể hiện trên chứng thư bảo lãnh của Tổng Công ty như sau:

Chứng thư, hợp đồng bảo lãnh	Ngày	Công ty được bảo lãnh	Hạn mức bảo lãnh
VNM 09121	N/A	Các đơn vị thành viên của Tổng Công ty Dịch vụ Tổng hợp Dầu khí	17.000.000 USD
118/2013/HDHM/CIB-HCM	24/4/2013	Các đơn vị thành viên của Tổng Công ty Dịch vụ Tổng hợp Dầu khí	200.000.000.000 VND
47/0413/HĐBL	25/4/2013	Các đơn vị thành viên của Tổng Công ty Dịch vụ Tổng hợp Dầu khí	20.000.000 USD
25A/DVTHDK-TCKT	09/01/2013	Công ty Cổ phần Hội tụ Thông minh	150.000.000.000 VND
265A/DVTHDK-TCKT	02/5/2013	Công ty Cổ phần Dịch vụ Logistics Dầu khí Việt Nam	20.000.000.000 VND
339A/DVTHDK-TCKT	10/6/2013	Công ty TNHH MTV Thương mại và Dịch vụ Dầu khí Biển	400.000.000.000 VND
339B/DVTHDK-TCKT	10/6/2013	Công ty Cổ phần Dịch vụ Phân phối Tổng hợp Dầu khí	600.000.000.000 VND
346A/DVTHDK-TCKT	11/6/2013	Công ty Cổ phần Dịch vụ Phân phối Tổng hợp Dầu khí và Công ty Cổ phần Hội tụ Thông minh	400.000.000.000 VND

26. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH**Quản lý rủi ro vốn**

Tổng Công ty quản lý nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Tổng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Tổng Công ty gồm có các khoản nợ thuần (bao gồm các khoản vay trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền) và phần vốn thuộc sở hữu của các cổ đông của Tổng Công ty (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

Hệ số đòn bẩy tài chính

Hệ số đòn bẩy tài chính của Công ty tại ngày kết thúc kỳ kế toán như sau:

	30/6/2013	31/12/2012
	VND	VND
Các khoản vay	265.304.055.376	117.989.145.264
Trừ: Tiền và các khoản tương đương tiền	482.181.524.326	368.738.035.739
Nợ thuần	-	-
Vốn chủ sở hữu	1.151.915.574.207	1.213.003.695.215
Tỷ lệ nợ thuần trên vốn chủ sở hữu	-	-

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Tổng Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính và công cụ vốn được trình bày tại Thuyết minh số 4.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ TỔNG HỢP DẦU KHÍ

Lầu 6, tòa nhà PetroVietnam, số 1 - 5 Lê Duẩn, phường Bến Nghé, quận 1
 Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng

Cho kỳ hoạt động từ ngày
 01 tháng 01 năm 2013 đến ngày 30 tháng 6 năm 2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

26. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**Các loại công cụ tài chính**

	Giá trị ghi sổ	
	30/6/2013 VND	31/12/2012 VND
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	482.181.524.326	368.738.035.739
Phải thu khách hàng và phải thu khác	365.360.332.519	412.594.707.358
Đầu tư dài hạn	2.000.000.000	2.000.000.000
Tài sản tài chính khác	1.020.000.000	1.020.000.000
Tổng cộng	850.561.856.845	784.352.743.097
Công nợ tài chính		
Các khoản vay	265.304.055.376	117.989.145.264
Phải trả người bán và phải trả khác	205.333.022.381	200.579.167.376
Chi phí phải trả	6.169.534.585	1.858.888.554
Tổng cộng	476.806.612.342	320.427.201.194

Tổng Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc kỳ kế toán do Thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính đã ban hành ngày 06 tháng 11 năm 2009 ("Thông tư 210") cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Tổng Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Tổng Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Tổng Công ty.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái và lãi suất. Tổng Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính.

Quản lý rủi ro tỷ giá

Tổng Công ty thực hiện một số các giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó, Tổng Công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá. Tổng Công ty không thực hiện biện pháp đảm bảo do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

26. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Quản lý rủi ro tỷ giá (Tiếp theo)

Giá trị ghi sổ của các tài sản bằng tiền và công nợ bằng tiền có gốc ngoại tệ tại thời điểm cuối kỳ kế toán như sau:

	Tài sản		Công nợ	
	30/6/2013	31/12/2012	30/6/2013	31/12/2012
	VND	VND	VND	VND
Đô la Mỹ (USD)	8.410.555.170	27.396.170.137	9.316.425.600	117.025.850.864

Phân tích độ nhạy đối với ngoại tệ

Tổng Công ty chủ yếu chịu ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá của đồng Đô la Mỹ. Tỷ lệ thay đổi 10% được Ban Tổng Giám đốc sử dụng khi phân tích rủi ro tỷ giá và thể hiện đánh giá của Ban Tổng Giám đốc về mức thay đổi có thể có của tỷ giá. Phân tích độ nhạy với ngoại tệ chỉ áp dụng cho các số dư của các khoản mục tiền tệ bằng ngoại tệ tại thời điểm cuối kỳ và điều chỉnh việc đánh giá lại các khoản mục này khi có 10% thay đổi của tỷ giá. Nếu tỷ giá Đô la Mỹ so với Đồng Việt Nam tăng/giảm 10%, trong khi các biến số khác giữ nguyên không đổi, thì lợi nhuận trước thuế trong kỳ của Tổng Công ty sẽ giảm/tăng tương ứng là 90.587.043 VND (2012: giảm/tăng 8.962.968.073 VND).

Quản lý rủi ro lãi suất

Tổng Công ty chịu rủi ro lãi suất phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Rủi ro này sẽ được Tổng Công ty quản lý bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay và phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được lãi suất có lợi cho Tổng Công ty từ các nguồn cho vay thích hợp.

Độ nhạy của lãi suất

Độ nhạy của các khoản vay đối với sự thay đổi lãi suất có thể xảy ra ở mức độ hợp lý trong lãi suất được thể hiện trong bảng sau đây. Với giả định là các biến số khác không thay đổi, nếu lãi suất của các khoản vay với lãi suất thả nổi tăng/giảm 200 điểm cơ bản thì lợi nhuận trước thuế của Tổng Công ty biến động như sau:

Độ nhạy lãi suất	Tăng/(Giảm) số điểm cơ bản	Ảnh hưởng đến lợi nhuận trước thuế
		VND
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/6/2013		
VND	+200	(5.306.081.108)
VND	-200	5.306.081.108
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012		
VND	+200	(9.665.569.600)
VND	-200	9.665.569.600

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

26. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Quản lý rủi ro về giá

Tổng Công ty chịu rủi ro về giá của công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư vào các công ty con và công ty liên kết. Hội đồng Quản trị của Tổng Công ty xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư vào công ty con và công ty liên kết như ngành nghề kinh doanh, công ty để đầu tư,... Các khoản đầu tư vào các công ty con và công ty liên kết được nắm giữ không phải cho mục đích kinh doanh mà cho mục đích chiến lược lâu dài. Tổng Công ty không có ý định bán các khoản đầu tư này trong tương lai gần.

Quản lý rủi ro về giá hàng hóa

Tổng Công ty mua nguyên vật liệu, hàng hóa từ các nhà cung cấp trong và ngoài nước để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Do vậy, Tổng Công ty sẽ chịu rủi ro từ việc thay đổi giá bán của nguyên vật liệu, hàng hóa.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Tổng Công ty. Tổng Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Tổng Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Tổng Công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác bởi vì các khoản phải thu đến từ một số lượng lớn khách hàng hoạt động trong nhiều ngành khác nhau và phân bố ở các khu vực địa lý khác nhau.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Tổng Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Tổng Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Tổng Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Tổng Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Các bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Tổng Công ty phải trả. Các bảng này trình bày dòng tiền của các khoản gốc. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Tổng Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

26. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Quản lý rủi ro thanh khoản (Tiếp theo)

30/6/2013	Dưới 1 năm VND	Từ 1 đến 5 năm VND	Tổng VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	482.181.524.326	-	482.181.524.326
Phải thu khách hàng và phải thu khác	365.360.332.519	-	365.360.332.519
Đầu tư dài hạn	-	2.000.000.000	2.000.000.000
Tài sản tài chính khác	-	1.020.000.000	1.020.000.000
Tổng cộng	847.541.856.845	3.020.000.000	850.561.856.845

30/6/2013			
Các khoản vay	265.304.055.376	-	265.304.055.376
Phải trả người bán và phải trả khác	205.333.022.381	-	205.333.022.381
Chi phí phải trả	6.169.534.585	-	6.169.534.585
Tổng cộng	476.806.612.342	-	476.806.612.342

Chênh lệch thanh khoản thuần	370.735.244.503	3.020.000.000	373.755.244.503
-------------------------------------	------------------------	----------------------	------------------------

31/12/2012	Dưới 1 năm VND	Từ 1 đến 5 năm VND	Tổng VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	368.738.035.739	-	368.738.035.739
Phải thu khách hàng và phải thu khác	412.594.707.358	-	412.594.707.358
Đầu tư dài hạn	-	2.000.000.000	2.000.000.000
Tài sản tài chính khác	-	1.020.000.000	1.020.000.000
Tổng cộng	781.332.743.097	3.020.000.000	784.352.743.097

31/12/2012			
Các khoản vay	117.989.145.264	-	117.989.145.264
Phải trả người bán và phải trả khác	200.579.167.376	-	200.579.167.376
Chi phí phải trả	1.858.888.554	-	1.858.888.554
Tổng cộng	320.427.201.194	-	320.427.201.194

Chênh lệch thanh khoản thuần	460.905.541.903	3.020.000.000	463.925.541.903
-------------------------------------	------------------------	----------------------	------------------------

Ban Tổng Giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Ban Tổng Giám đốc tin tưởng rằng Tổng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ TỔNG HỢP DẦU KHÍ

Lầu 6, tòa nhà PetroVietnam, số 1 - 5 Lê Duẩn, phường Bến Nghé, quận 1
 Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng

Cho kỳ hoạt động từ ngày
 01 tháng 01 năm 2013 đến ngày 30 tháng 6 năm 2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

27. NGHIỆP VỤ SỐ DƯ VÀ GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Trong kỳ, Tổng Công ty đã có giao dịch chủ yếu với các bên liên quan như sau:

	Từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/6/2013	Từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/6/2012
	VND	VND
Bán hàng và cung cấp dịch vụ		
Công ty Cổ phần Dịch vụ Phân phối Tổng hợp Dầu khí	6.375.000.000	7.542.167.500
Công ty TNHH MTV Thương mại và Dịch vụ Dầu khí Biển	18.196.896.586	24.054.863.742
Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Dầu khí Vũng Tàu	2.695.000.000	3.633.135.781
Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Dầu khí Miền Trung	1.390.000.000	1.925.000.000
Công ty Cổ phần Quản lý và Khai thác Tài sản Dầu khí	2.350.045.454	2.351.045.454
Công ty Cổ phần Hội tụ Thông minh	1.275.000.000	1.050.000.000
Thu nhập từ cổ tức		
Công ty Cổ phần Dịch vụ Phân phối Tổng hợp Dầu khí	700.659.675	-
Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Dầu khí Vũng Tàu	3.150.000.000	11.760.000.000
Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Dầu khí Miền Trung	1.433.700.000	3.823.200.000
Công ty Cổ phần Quản lý và Khai thác Tài sản Dầu khí	1.199.540.000	1.319.494.000
Công ty Cổ phần Hội tụ Thông minh	1.455.299.671	2.850.474.641
Công ty Cổ phần Quản lý và Phát triển Nhà Dầu khí	813.515.235	-
Lãi sử dụng vốn		
Công ty Cổ phần Dịch vụ Phân phối Tổng hợp Dầu khí	3.982.791.074	20.860.517.633
Công ty TNHH MTV Thương mại và Dịch vụ Dầu khí Biển	807.265.223	4.071.640.718
Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Dầu khí Vũng Tàu	2.513.532.045	1.074.797.087
Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Dầu khí Miền Trung	332.512.425	-
Công ty Cổ phần Hội tụ Thông minh	2.898.317.809	5.021.637.118
Mua hàng hóa dịch vụ		
Công ty TNHH MTV Thương mại và Dịch vụ Dầu khí Biển	1.536.265.171	3.011.350.393
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	5.606.974.800	6.458.153.624
Công ty TNHH MTV Lọc hóa dầu Bình Sơn	606.895.867.789	554.347.152.276
Công ty Cổ phần Hóa dầu và Xơ sợi Dầu khí	86.667.628.361	81.861.304.163
Công ty TNHH MTV Phân bón Dầu khí Cà Mau	76.091.499.882	-
Tổng Công ty Cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí	84.936.075.000	77.162.928.453
Vay vốn		
Tổng Công ty Tài chính Cổ phần Dầu khí Việt Nam	-	480.000.000.000
Góp vốn trong kỳ		
Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Dầu khí Vũng Tàu	-	22.448.300.000
Công ty Cổ phần Dịch vụ Bán lẻ Dầu Khí	7.650.000.000	-
Công ty Cổ phần Hội tụ Thông minh	9.550.000.000	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

27. NGHIỆP VỤ SỐ DƯ VÀ GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (Tiếp theo)

Số dư chủ yếu với các bên liên quan tại ngày kết thúc kỳ kế toán như sau:

	<u>30/6/2013</u>	<u>31/12/2012</u>
	VND	VND
Phải thu		
Công ty Cổ phần Dịch vụ Phân phối Tổng hợp Dầu khí	50.623.954.452	138.316.862.285
Công ty TNHH MTV Thương mại và Dịch vụ Dầu khí Biển	68.742.206.467	17.007.278.970
Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Dầu khí Vũng Tàu	70.791.235.432	66.352.754.871
Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Dầu khí Miền Trung	15.418.694.652	29.591.336.750
Công ty Cổ phần Quản lý và Khai thác Tài sản Dầu khí	-	400.950.000
Công ty Cổ phần Hội tụ Thông minh	83.638.934.027	64.240.910.566
Công ty TNHH MTV Phân bón Dầu khí Cà Mau	894.472.619	-
Phải trả		
Công ty TNHH MTV Dịch vụ Thương mại Dầu khí	8.629.037.694	8.629.037.694
Công ty TNHH MTV Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn Dầu khí	6.086.725.895	6.086.725.895
Công ty Cổ phần Quản lý và Khai thác Tài sản Dầu khí Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	18.882.162.846	25.406.790.884
Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Miền Trung	11.812.370.251	5.644.697.971
Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Miền Trung	860.805.428	2.685.323.244
Công ty TNHH MTV Lọc hóa dầu Bình Sơn	93.550.231.832	118.947.375.249
Công ty Cổ phần Hóa dầu và Xơ sợi Dầu khí	6.349.484	1.507.205.215

Thu nhập của Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc:

	<u>Từ ngày 01/01/2013</u>	<u>Từ ngày 01/01/2012</u>
	<u>đến ngày 30/6/2013</u>	<u>đến ngày 30/6/2012</u>
	VND	VND
Lương, thưởng và thu nhập khác	2.754.389.003	2.608.000.000
	<u>2.754.389.003</u>	<u>2.608.000.000</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

28. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh trên bảng cân đối kế toán và các thuyết minh tương ứng là số liệu của báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 đã được kiểm toán. Số liệu so sánh trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và các thuyết minh tương ứng là số liệu của báo cáo tài chính riêng cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2012 đến ngày 30 tháng 6 năm 2012 đã được soát xét.



Cao Thanh Hùng
Người lập biểu

Ngày 12 tháng 8 năm 2013



Đào Văn Đại
Kế toán trưởng



Phùng Tuấn Hà
Tổng Giám đốc